

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cận và bà Trịnh Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2020/TLST - HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 19xx; ĐKKHKT tại: Tổ x, khu xx, phường D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm: 19xx; ĐKKHKT tại: Tổ x, khu xx, phường D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H đều trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn C vào năm 2011 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường D, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi về chung sống anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 07 tháng, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại nhà chồng ở tổ x, khu xx, phường D, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn bình thường được một thời

gian ngắn cho đến khi chị sinh con (năm 20xx) thì vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về việc phát triển kinh tế chung trong gia đình, anh C làm gì cũng không bàn bạc với chị, chị khuyên nhủ thì anh C không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có đôi lần còn đánh nhau. Trước đây chị cũng đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhưng thương con còn nhỏ chị lại rút đơn về để tiếp tục cuộc sống chung với anh C. Tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng chị vẫn không khắc phục được, anh C không thay đổi tính cách, không có trách nhiệm với gia đình và không chăm lo dạy dỗ các con. Về kinh tế anh C không phụ giúp chị, đi làm có thu nhập cũng không đưa chị để cho các con ăn học, một mình chị phải gánh vác toàn bộ chi tiêu trong gia đình khiến chị cảm thấy rất mệt mỏi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chửi mắng, xúc phạm đến nhau, không kìm chế được anh C còn đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng hơn, chị cũng đã nhờ đến khu phố và gia đình hòa giải nhưng cũng không khắc phục được. Anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng, không thể khắc phục được, do không còn tình cảm dành cho anh C nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Bùi Văn C có 03 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày xx/x/20xx; Bùi Quỳnh C1, sinh ngày xx/x/20xx và Bùi Hữu Đ, sinh ngày xx/xx/20xx. Do anh C không có trách nhiệm với các con, cả 3 con chung còn nhỏ từ khi sinh các con cho đến nay đều do một mình chị chăm sóc nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, tại bản tự khai chị yêu cầu anh C cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, tuy nhiên quá trình giải quyết anh C không tham gia tố tụng, thời gian gần đây anh C không có việc làm và cũng không có thu nhập ổn định nên chị thay đổi quan điểm không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty cổ phần than Mông Dương, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng cùng với sự giúp đỡ của gia đình nhà ngoại nên chị đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Anh C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh C sau kết hôn sống cùng với gia đình nhà chồng, kinh tế lại khó khăn nên không có tài sản chung. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Bùi Văn C nhiều lần nhưng anh C cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh C, anh C không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn C hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Bùi Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn C là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn hợp pháp vào năm 2011, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cẩm Phả. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ x, khu xx, phường D, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn theo chị H trình bày là không có hạnh phúc, nguyên nhân là do mâu thuẫn về việc phát triển kinh tế trong gia đình, anh C không có trách nhiệm, không cùng chị chăm lo dạy dỗ cho các con, không đưa tiền cho chị H để cho các con ăn học dẫn đến vợ chồng chửi mắng, xúc phạm và còn đánh nhau, mâu thuẫn kéo dài mà không khắc phục được. Anh chị vẫn sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bản thân anh C khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng,

chứng tỏ anh C cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị H và anh C cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh C.

* Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là Bùi Phương L, sinh ngày xx/x/20xx; Bùi Quỳnh C1, sinh ngày xx/x20xx và Bùi Hữu Đ, sinh ngày xx/xx/20xx. Khi ly hôn, con gái lớn Bùi Phương L có quan điểm được mẹ nuôi dưỡng, cả hai con Bùi Quỳnh C1 và Bùi Hữu Đ đều còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của chị H. Chị H có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng cả 3 con chung, chị có việc làm và thu nhập ổn định, lại có sự giúp đỡ của gia đình nhà ngoại nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh C cũng không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả 03 con chung của anh chị cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng, tâm sinh lý lứa tuổi của các con chung và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung của anh chị.

Do chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên anh C không phải cấp dưỡng cho các con chung, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị H và anh C không có tài sản chung; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung là: Bùi Phương L, sinh ngày xx/x/20xx; Bùi Quỳnh C1, sinh ngày xx/x/20xx và Bùi Hữu Đ, sinh ngày xx/xx/20xx cho chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Văn C không phải cấp dưỡng cho các con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 17/6/2020 theo biên lai số: 00052xx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quỳnh

